TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 4 năm 2019
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Thảo
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Bà Lê Thị Kim Em;
2/ Bà Mai Thị Thanh Hương.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Phương Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 676/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 04 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông NHT, sinh năm 1972;

Địa chỉ: xxx Lô A Chung cư NTT, Phường a, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà KMA, sinh năm 1966;

Địa chỉ: xx NTD, Phường b, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: số 1 đường số c, phường TP, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/9/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông NHT nguyên đơn trình bày:

Ông và bà KMA tìm hiểu khoảng 06 tháng thì cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 101,

quyển số 01 ngày 17/12/2002 do Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên nguyện vọng của ông là:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà KMA.

- Về con chung: ông xác định có 01 con chung: NKTV (nữ), sinh ngày 19/6/2003.

Sau khi ly hôn ông giao trẻ NKTVcho bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

- Về tài sản chung: ông xác nhận không có.

- Về nợ chung: ông xác nhận không có.

Tòa án đã nhiều lần thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bà A không trình bày ý kiến.

* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7:

Về việc T theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Tòa án thực hiện đúng về thời hạn chuẩn bị xét xử. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Bị đơn có tạm trú tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bà KMA. Tuy nhiên, bà A không đến Tòa án, không trình bày ý kiến, Tòa án không tiến hành hoà giải được, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà A theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Ông T và bà A tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 101, quyển số 01 ngày 17/12/2002 do Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vì vậy được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[1]- Về quan hệ hôn nhân:

Tại bản khai ngày 08/11/2018 nguyên đơn trình bày: ông và bà A sau khi kết hôn chung sống được 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông và bà A bất đồng quan điểm sống. Ông đã nhiều lần góp ý xây dựng nhưng bà A không thay đổi, bà A không tôn trọng ý kiến, đề xuất của ông mà chỉ muốn ông nghe, chấp hành theo yêu cầu của bà. Vợ chồng ông có mâu thuẫn, tuy nhiên không cãi vả, ồn ào. Vợ chồng ly thân 03 năm, gần 01 năm nay ông về sống ở nhà mẹ ruột, chỉ tới lui nhà số 1 đường số 8, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để đưa rước con đi học. Tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, nguyện vọng của ông là được ly hôn.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà A không đến, không có văn bản trình bày ý kiến của mình nên phải gánh chịu hậu quả của việc không T thủ nghĩa vụ theo quy định khoản 5, 16 Điều 70 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy trong quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà A do bất đồng quan điểm, vợ chồng thiếu sự tôn trọng nên không có tiếng nói chung, không thống nhất về mọi vấn đề. Vợ chồng ly thân 03 năm, xét thấy quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ông T có nguyện vọng ly hôn, xét yêu cầu của ông T là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]- Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 79, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/07/2003 đã có đủ cơ sở để xác định ông T và bà A có 01 con chung là: trẻ NKTV (nữ), sinh ngày 19/6/2003.

Sau khi ly hôn ông T đồng ý để bà A trực tiếp nuôi dưỡng trẻ NKTV, ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy trẻ NKTV có nguyện vọng được ở cùng với mẹ, thực tế hiện bà A đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ V, ông T mỗi ngày đi từ Quận 3 về Quận 7 đưa rước con đi học. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của trẻ V theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử giao trẻ NKTV cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) mỗi tháng, bà A không đến tòa trình bày ý kiến. Căn cứ khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình thì ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T về việc ông cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng (Bốn triệu đồng/tháng).

Thi hành vào ngày 01 (một) đến ngày 05 (năm) dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ tháng 05/2019 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông T được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền và nghĩa vụ này. Vì lợi ích của

con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Bà MA đại diện theo pháp luật của trẻ TV) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3]- Tài sản chung: Ông T xác nhận không có.

- Nợ chung: Ông T xác nhận không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ Luật Tố Tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ quy định tại Luật phí và lệ phí;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa ông NHT và bà KMA (Giấy chứng nhận kết hôn số 101, quyển số 01 ngày 17/12/2002 do Ủy ban nhân dân Phường b, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

2/ Về con chung: ông T, bà A có 01 con chung tên NKTV (nữ), sinh ngày 19/6/2003.

Giao con chung NKTV cho bà KMA trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông NHT cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng (Bốn triệu đồng/tháng).

Thi hành vào ngày 01 (một) đến ngày 05 (năm) dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ tháng 5/2019 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông T được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền và nghĩa vụ này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Bà Mỹ A đại diện theo pháp luật của trẻ TV) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ Tài sản chung: không có.

4/ Ông NHT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0026xxx ngày 26/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy ông T phải nộp thêm 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5/ Ông NHT có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà KMA vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân Q7;
- Chi cục THA Dân sự Q7;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Mỗi đương sự
- Lưu, hồ sơ (thư ký P. Thúy)

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Bích Thảo